

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 21 – 4 – 2023

V/v: *Kiến xin ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản

Bà Đặng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Long – Kiểm sát viên

Trong ngày 21/4/2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2022 về kiện xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1987; Nơi ĐKNKTT: Tổ 01 phường Phú Xá, thành phố TN, tỉnh TN. Địa chỉ cần báo: Số 217 đường TP, VQ, HĐ, thành phố HN. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Ngọc M, sinh năm: 1979; Nơi ĐKNKTT: Số 3/99 đường LTD, tổ dân phố 6, phường HT, thành phố ĐH, tỉnh QB. Địa chỉ tạm trú: Số 22 đường NK, tổ dân phố 2, phường ĐH, thành phố ĐH, tỉnh QB. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/11/2022, được bổ sung tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Đỗ Ngọc M tự nguyện tìm hiểu và đi đến đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2010 tại UBND xã Trung Minh, thành phố Hoà

Bình, tỉnh Hoà Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01-2010. Sau khi kết hôn đời sống chung của vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn thì có nhiều sóng gió, mâu thuẫn. Do đó vợ chồng đã sống ly thân hơn 04 năm nay, bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục, hoà giải được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng phai nhạt nên chị N có nguyện vọng được ly hôn với anh Đỗ Ngọc M.

- *Về nuôi con chung*: Chị N trình bày quá trình chung sống chị và anh Đỗ Ngọc M có 01 con chung là cháu Đỗ M T, sinh ngày 01/4/2011. Từ nhỏ đến lớn cháu T sống với chị N và đều do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Năm 2020, cháu vào chơi với Bố và do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, việc di chuyển từ các vùng, các tỉnh trong cả nước gặp nhiều khó khăn nên cháu T ở lại Quảng Bình nhập học để đảm bảo việc học tập và việc phòng chống dịch bệnh. Từ đó đến nay, cháu T sống với Bố, chị N thường xuyên vào thăm và chăm sóc cháu T. Nguyện vọng của chị N sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu T. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh M phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Tại bản trình bày nguyện vọng, cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

- *Về chia tài sản chung và nợ chung*: Chị N trình bày vợ chồng tự thoả thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về sự vắng mặt của bị đơn*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Đỗ Ngọc M tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú là số 3/99 đường Lê Thành Đồng, tổ dân phố 6, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, tuy nhiên anh M không đến và cũng không có lý do. Sau khi tiến hành xác minh, anh M có đăng ký tạm trú tại địa chỉ số 22 đường Nguyễn Khuyến, tổ dân phố 2, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng về cả 02 địa chỉ nêu trên nhưng anh M tiếp tục vắng mặt, không đến Toà án để giải quyết vụ án. Tại đơn trình bày ngày 10/01/2023, chị N cho biết, nơi đăng ký thường trú và nơi anh M hiện đang sinh sống là số 3/99 đường LTD, tổ dân phố 6, phường HT, thành phố ĐH, tỉnh QB đúng như xác nhận của Công an phường Hải Thành vào ngày 14/11/2022, còn địa chỉ số 22 đường NK, tổ dân phố 2, phường ĐH, thành phố ĐH, tỉnh QB chỉ là địa chỉ vợ chồng đăng ký tạm trú để phù hợp cho việc con chung của anh chị là cháu Đỗ Mạnh T đăng ký nhập học. Tiến hành xác minh tại địa chỉ đăng ký thường trú là số 3/99 đường LTD, tổ dân phố 6, phường HT, thành phố ĐH, tỉnh QB thì tổ trưởng tổ dân phố 6 và UBND phường Hải Thành đều xác nhận hiện nay anh M đang sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Ngoài ra chị Đỗ Thị N cung cấp thông tin hiện anh Đỗ Ngọc M hiện đang công tác tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện BT, tỉnh QB. Toà án đã tiến hành xác minh và tổng

đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập đến phiên toà nhưng anh Đỗ Ngọc M không đến Toà án.

Quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Ngọc M vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành phiên hòa giải được. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành niêm yết, tổng đạt các thủ tục tố tụng cho các bên đương sự nhằm đảm bảo quyền được biết việc Tòa án giải quyết ly hôn và quyền được tham gia tố tụng tại Tòa án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Đỗ Thị N khởi kiện anh Đỗ Ngọc M về việc ly hôn. Quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, bị đơn cư trú tại tổ dân phố 6, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nên Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới thụ lý là đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Thẩm phán, thư ký phiên toà đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về việc giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị N, xử chị N được ly hôn anh M. Về con chung, đề nghị giao cháu Đỗ M T, sinh ngày 01/4/2011 cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu cấp dưỡng không xem xét. Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Đỗ Thị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn anh Đỗ Ngọc M có địa chỉ cư trú: Số 3/99 đường Lê Thành Đồng, tổ dân phố

6, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Sau khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tiến hành lập biên bản làm việc về việc không tiến hành tổng đạt trực tiếp được thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải có xác nhận của ông Trần Đình Dũng là Tổ trưởng tổ dân phố 6, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Toà án đã xác minh hộ khẩu thường trú của anh M, xác minh nơi làm việc và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng thông báo thụ lý và giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập; các Quyết định của Toà án tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, Ủy ban nhân dân phường Hải Thành, Nhà văn hoá tổ dân phố 6, phường Hải Thành, thành phố Đồng Hới. Do bị đơn vắng mặt tại các phiên hoà giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Vì vậy đủ cơ sở để đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày 06/4/2023, anh M vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/TB-TA ngày 06/4/2023 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 21/4/2023 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự và đã tiến hành niêm yết, tổng đạt cho các bên đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh M tiếp tục vắng mặt, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Đỗ Thị N là nguyên đơn đơn đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, anh M vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị N và anh Đỗ Ngọc M.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị N và anh Đỗ Ngọc M đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Minh, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2010, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn lẽ ra anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng ngày càng tăng. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn càng thêm trầm trọng dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân hơn 04 năm nay, không quan tâm gì đến nhau nữa, đời sống chung của hai vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh M

mặc dù đã được Toà án thông báo việc chị N làm đơn xin ly hôn và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng liên tục vắng mặt, không đến Tòa án để được hoà giải. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị N được ly hôn với anh M là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về nuôi con chung:

Chị Đỗ Thị N khai quá trình chung sống chị và anh Đỗ Ngọc M có 01 con chung là cháu Đỗ Mạnh T, sinh ngày 01/4/2011. Từ nhỏ đến lớn cháu T sống với chị N và đều do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Năm 2020, cháu vào chơi với Bố và do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, việc di chuyển từ các vùng, các tỉnh trong cả nước gặp nhiều khó khăn nên cháu T ở lại Quảng Bình nhập học để đảm bảo việc học tập và việc phòng chống dịch bệnh. Từ đó đến nay, cháu T sống với Bố, chị N thường xuyên vào thăm và chăm sóc cháu T. Nguyên vọng của chị N sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu T. Chị N tự nguyện không yêu cầu anh M phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Tại bản trình bày nguyện vọng, cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu T đang ở độ tuổi phát triển thể chất, tâm sinh lý rất cần đến sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần chấp nhận nguyện vọng của chị N là xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N, anh M có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Chị N khai vợ chồng tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh M không đến Tòa án cũng không gửi văn bản nêu ý kiến gì về vấn đề tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[3.4] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã

nộp theo Biên lai số 31AA/2021/0001351 ngày 25/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không phải chịu nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Đỗ Ngọc M.

2. *Về nuôi con chung:* Giao chị Đỗ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Mạnh T, sinh ngày 01/4/2011. Anh Đỗ Ngọc M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai số 31AA/2021/0001351 ngày 25/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không phải chịu nộp.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Phúc Nam